

Sự tham gia của người dân vào cộng đồng làng, xã nông thôn giai đoạn 1976-1986

Nguyễn Đức Tuyên^(*)

Tóm tắt: Sử dụng phương pháp xã hội học, bài viết phân tích tỷ lệ và mức độ tham gia của người dân và phụ nữ trong ba hoạt động cộng đồng (giai đoạn 1976-1986): đoàn thể cộng đồng, hợp tác xã và văn hóa, văn nghệ cộng đồng. Theo kết quả nghiên cứu, nhìn chung mức độ tham gia cộng đồng giai đoạn này ở mức độ thấp và có nguyên nhân từ sự quản lý của tổ chức, sự quan tâm và hiểu biết của người dân đối với hoạt động cộng đồng.

Từ khóa: Tham gia cộng đồng, Phụ nữ tham gia cộng đồng, Mức độ tham gia cộng đồng

Abstract: Using a sociological method, the article analyzes the proportions and level of participation of people and women in 3 communal activities including communal organizations, cooperatives and cultural activities in the period 1976-1986. According to the research results, the low level of communal participation in this stage is generally caused by poor institutional management, people's interest and understanding of communal activities.

Keywords: Communal Participation, Women's Participation in Communal Activities, Level of Communal Participation

1. Giới thiệu

Sự tham gia cộng đồng được hiểu là người dân tham gia quyết định hoặc thực hiện các hoạt động của cộng đồng. Sự tham gia cộng đồng của người dân thường có tác dụng làm cho các hoạt động/chính sách phù hợp hơn với thực tế cộng đồng và từ đó hoạt động quản lý hiệu quả hơn; các điều kiện kinh tế, xã hội của cộng đồng cũng từ đó được nâng cao. Sự tham gia của phụ nữ

vào cộng đồng không chỉ có tác động như đã nói ở trên, mà còn nâng cao được địa vị của phụ nữ, làm cho phụ nữ được bình đẳng hơn với nam giới trong cộng đồng.

Giai đoạn 1976-1986 - đánh dấu bằng sự kiện thống nhất đất nước (1975) và kéo dài đến Đổi mới (1986) - được đánh giá là giai đoạn khó khăn của Việt Nam, do những chính sách bao cấp được duy trì không còn phù hợp với một đất nước mới bước vào hòa bình. Giai đoạn này cũng là giai đoạn thực thi nhiều chính sách biến đổi lớn về kinh tế, chính trị do khắc phục hậu quả của chiến tranh, hợp nhất hai miền Nam - Bắc

^(*) ThS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: ndt363td@yahoo.com

và định hướng phát triển của cả nước sau chiến tranh.

Nghiên cứu về sự tham gia cộng đồng của người dân giai đoạn kinh tế khó khăn và xã hội có nhiều biến đổi còn ít ỏi, nhất là việc phụ nữ tham gia cộng đồng. Dựa trên số liệu và thông tin từ Hệ đề tài cơ sở về “Lịch sử Gia đình Nông thôn Việt Nam giai đoạn 1976-1986” của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, được thực hiện năm 2018, bài viết nghiên cứu về sự tham gia của người dân và phụ nữ vào cộng đồng trong giai đoạn này, tìm hiểu về tỷ lệ tham gia và mức độ tham gia cộng đồng, từ đó đưa ra những kinh nghiệm vận động, thúc đẩy người dân tham gia cộng đồng trong những hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, biến động về văn hóa - xã hội để gợi ý cho những người hoạch định chính sách, làm chương trình có những kinh nghiệm tham khảo trong những hoàn cảnh, khu vực tương tự.

+ Phương pháp nghiên cứu

Bài viết phân tích ba hoạt động cộng đồng của gia đình nông thôn Việt Nam giai đoạn 1976-1986: đoàn thể cộng đồng, kinh tế cộng đồng (qua hoạt động hợp tác xã) và văn hóa, văn nghệ cộng đồng, từ đó khái quát sự tham gia của người dân và phụ nữ vào các hoạt động cộng đồng trên.

Nghiên cứu sử dụng hai phương pháp xã hội học chính: (1) *Phương pháp Phân tích định lượng*, với 407 trường hợp (203 nam chiếm 49,9% và 204 nữ chiếm 50,1%). Các số liệu định lượng cho biết chiều hướng sự biến đổi của sự tham gia cộng đồng trong ba hoạt động cộng đồng trên; (2) *Phương pháp Nghiên cứu định tính*, cụ thể là phỏng vấn sâu (PVS) 12 trường hợp và một cuộc thảo luận nhóm 6 trường hợp với mục đích làm rõ hơn các lý do và giải thích thêm nguyên nhân tham gia của

người dân và phụ nữ trong các hoạt động cộng đồng được phân tích.

Địa điểm nghiên cứu là 2 xã Nghĩa Hùng và Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Hưng thuộc tỉnh Nam Định. Mặc dù số liệu chưa thể đại diện cho toàn bộ nông thôn miền Bắc nhưng đặc điểm của hai xã được khảo sát khá điển hình cho các xã nông thôn miền Bắc giai đoạn này.

+ Tiếp cận lý thuyết

Bài viết dựa trên *cách tiếp cận giới* về sự tham gia. Theo cách tiếp cận giới, những định kiến đối với phụ nữ, coi phụ nữ là gắn với công việc gia đình, ngăn cản phụ nữ tham gia cũng như mức độ tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Từ cách nhìn như vậy, bài viết xem xét, phân tích, đánh giá về tỷ lệ tham gia và mức độ tham gia của phụ nữ trong ba hoạt động của cộng đồng được chọn lựa trong giai đoạn này.

+ *Khái niệm “tham gia cộng đồng” và “mức độ tham gia cộng đồng”*

Tác giả Lê Trí An định nghĩa: *Tham gia cộng đồng* là một quá trình người dân cùng tham gia các hoạt động có mục đích chăm sóc cộng đồng dưới nhiều mức độ khác nhau. Về *mức độ tham gia cộng đồng*, tác giả đưa ra thang đo 9 mức độ (ngoài ra, có thêm mức “0” nghĩa là “không tham gia”) (Lê Trí An, 2000: 105-106). Cũng nghiên cứu về sự tham gia, nhóm biên soạn tài liệu do Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản hỗ trợ xuất bản “Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng” đã đưa ra thang đo 6 mức độ tham gia: (1) Tham gia thụ động; (2) Tham gia cung cấp thông tin; (3) Tham gia tư vấn; (4) Tham gia thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng; (5) Tham gia trong quá trình ra quyết định; (6) Tham gia tự nguyện (Lê Văn An, Ngô Tùng Đức, 2016: 17).

Thang đo mức độ tham gia đáng chú ý gần đây được giới thiệu bởi tác giả

Raymond Achu Samndong (2018). Trong nghiên cứu về sự biến đổi khí hậu ở Congo, tác giả đã giới thiệu khung cấp độ tham gia của Arnstein (1969), theo đó, sự tham gia cộng đồng có 8 cấp độ:

- 1) Người dân được kiểm soát hoàn toàn
- 2) Người dân được uỷ quyền
- 3) Người dân là đối tác hoạt động
- 4) Người dân được tham gia vào sắp xếp hoạt động
- 5) Người dân được tham vấn
- 6) Người dân được thông báo
- 7) Người dân được/bị hướng dẫn làm theo
- 8) Người dân được/bị điều hành, thực hiện

Từ 8 cấp độ này, tác giả phân thành 4 mức độ tham gia từ cao đến thấp:

- Mức độ tham gia thứ nhất: người dân hoạch định và đồng thuận với các quyết định.
- Mức độ tham gia thứ hai: ý kiến của người dân được lắng nghe và thực hiện, người dân có tác động đến các quyết định trước khi thực hiện.
- Mức độ tham gia thứ ba: người dân được giới thiệu về các quyết định trước khi thực hiện, người dân được tham vấn và tham gia vào các quyết định.
- Mức độ tham gia thứ tư: người dân được biết về các quyết định, người dân được giới thiệu về các quyết định đã được hoạch định (Raymond, 2018: 53-55).

Thang đo về mức độ tham gia cộng đồng của các tác giả trên là những tài liệu quý báu để tham khảo trong nghiên cứu về hoạt động tham gia cộng đồng giai đoạn 1976-

1986, tuy nhiên, để phù hợp với người dân tại địa bàn nghiên cứu và mục đích nghiên cứu, bài viết chia thang đo mức độ tham gia thành 3 mức, từ thấp đến cao: (1) thực hiện theo chỉ thị ở trên; (2) góp ý kiến và thảo luận theo các hoạt động; (3) phát động, lãnh đạo các hoạt động; ngoài ra cũng có mức “không tham gia”. Từ thang đo 3 mức độ tham gia, bài viết phân tích được mức độ tham gia cộng đồng của người dân, đặc biệt của phụ nữ trong giai đoạn lịch sử đặc thù này.

3. Kết quả nghiên cứu

a/ Tỷ lệ và mức độ tham gia đoàn thể

Kết quả khảo sát tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, 184/407 người (45,2%) tham gia đoàn thể, tỷ lệ này tương đối thấp, trong đó 92/203 nam (tỷ lệ 45,3%), và 92/204 nữ (tỷ lệ 45,1%). Tuy tỷ lệ tham gia đoàn thể thấp, nhưng tỷ lệ nữ so với tổng số nữ cũng tương đương với tương quan này của nam giới. Có thể nói sự tham gia đoàn thể giai đoạn này không cao, nhưng nam giới cũng như nữ giới đều có sự nhiệt tình như nhau trong tham gia vào đoàn thể.

Số liệu bảng 1 cho thấy vị trí trong đoàn thể có sự khác biệt về giới tính: hầu hết các cấp lãnh đạo đoàn thể đều có tỷ lệ nam cao hơn nữ, kể cả thành viên đoàn thể cấp xã; trong khi đó, thành viên đoàn thể cấp thôn có tỷ lệ nữ nhiều hơn nam. Như vậy, trong việc tham gia đoàn thể giai đoạn

Bảng 1: Vị trí trong đoàn thể

Tỷ lệ %

	Trưởng/phó/ uỷ viên đoàn thể cấp xã	Thành viên đoàn thể cấp xã	Bí thư/phó bí thư/ủy viên ban chấp hành đoàn thể cấp thôn	Thành viên đoàn thể cấp thôn
Nam	9,8	6,5	18,5	65,2
Nữ	1,1	4,3	8,7	85,9
Tổng	5,4	5,4	13,6	75,5

này có sự bất bình đẳng đối với phụ nữ ở vị trí trong đoàn thể.

Lãnh đạo đoàn thể là do người dân bầu lên, vậy nguyên nhân nào khiến ít cán bộ lãnh đạo đoàn thể là nữ? Các ý kiến PVS và thảo luận nhóm cho rằng, do phụ nữ kém nhiệt tình hơn: “Người ta chọn những người nhanh nhẹn, năng nổ, nhiệt tình để bầu vào các đoàn thể, do vậy ít phụ nữ” (Thảo luận nhóm).

Nguyên nhân chính khiến phụ nữ không nhiệt tình tham gia vào đoàn thể được hầu hết người trả lời PVS cho rằng “chị em bận việc nhà, bận con nhỏ” (Bà T, sinh năm 1956, Đoàn viên, Hội viên Hội Phụ nữ^(*)), thậm chí do các công việc gia đình nên “Lấy chồng xong thì bỏ luôn” (Bà H, sinh năm 1962, cán bộ thú y). Như vậy, việc không nhiệt tình tham gia đoàn thể của phụ nữ là vì quan niệm gắn phụ nữ với công việc nội trợ gia đình, một quan điểm bất bình đẳng đối với phụ nữ, vẫn còn tồn tại và có tác động mạnh đến sự tham gia của phụ nữ vào đoàn thể ở giai đoạn này.

Các yếu tố khác như lý lịch bản thân, trình độ học vấn, truyền thống gia đình... cũng được tìm hiểu, tuy nhiên, kết quả cho thấy, mặc dù chúng cũng có tác động đến sự tham gia của phụ nữ vào đoàn thể nhưng không rõ rệt.

Về mức độ tham gia đoàn thể, các số liệu định lượng cho thấy mức độ tham gia đoàn thể của người dân thấp: tỷ lệ mức độ tham gia thấp “Chủ yếu nghe và thực hiện” lên đến 78,8%; trong khi đó “Tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến” là 10,9% và “Lãnh đạo các hoạt động” là 10,3%. Nếu chia người trả lời theo vị trí của họ trong đoàn thể, thì thấy mức độ tham gia cao nhất là “Lãnh đạo

các hoạt động” hoàn toàn là những người có vị trí trong đoàn thể, còn thành viên các đoàn thể cấp thôn có đến 98,6% tham gia mức độ thấp nhất là “Chủ yếu nghe và thực hiện” và số còn lại tham gia mức độ “Thảo luận và góp ý kiến”, không ai tham gia mức độ “Lãnh đạo các hoạt động”.

Kết quả PVS cũng cho thấy, người giữ chức vụ trong đoàn thể đã tham gia ở mức độ cao - “phát động, lãnh đạo hoạt động”: “Phương hướng của mình muốn làm sao cho lợn nhanh lớn, mình họp chi đoàn lại, phân công chị em bên cho ăn làm sao cám bã, nước phải đầy đủ; bên rau làm sao phải đủ rau cho lợn (Bà T, sinh năm 1953, BCH Đoàn Thanh niên xã); cũng có một số người tham gia ở mức độ trung bình: “Cũng tham gia, cũng góp ý” (Bà H, sinh năm 1962, cán bộ thú y). Kể cả người có chức vụ và người không có chức vụ cũng chỉ tham gia mức độ cao ở các hoạt động kinh tế liên quan trực tiếp đến cuộc sống của người dân.

Nhưng nhìn chung, số đông vẫn là tham gia ở mức độ thấp: “ít khi đóng góp ý kiến” bởi lý do “trên chỉ thị xuống, hội viên các xóm thực hiện. Hội phụ nữ thôn thì người làm chương trình mới làm, tôi là nhân viên, nhiều khi không nghĩ ra, nhiều khi không có đóng góp sáng kiến hoạt động gì” (Bà H, sinh năm 1962, cán bộ thú y). Và lý do khác, đó là vì đoàn thể không có hoạt động: “Hội đây chưa có gì cả. Hội đây chỉ hoạt động sơ sài thôi, không như bây giờ. Chỉ họp hành thôi, chắc năm được một lần thôi. Chẳng có gì cả. Hoạt động lúc bấy giờ không có phong trào gì” (Bà Nh, sinh năm 1957, Bí thư Chi đoàn); “vì hội đó các đoàn thể chưa có chương trình gì giúp người dân nên người dân có tư tưởng *chẳng vào làm gì*” (Bà H, sinh năm 1957, Phó chủ tịch Hội Phụ nữ xã).

Qua các số liệu khảo sát định lượng và nghiên cứu định tính, có thể thấy, yếu tố quan

(*) Nghề nghiệp, chức vụ của người trả lời PVS là nghề nghiệp, chức vụ ở giai đoạn 1976-1986.

Bảng 2: Mức độ tham gia đoàn thể phân tích theo giới tính người tham gia

<i>Mức độ tham gia</i>	<i>Tỷ lệ %</i>		
	<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>	<i>Chung</i>
1. Chủ yếu nghe thông báo và thực hiện	69,6	88,0	78,8
2. Thảo luận và góp ý kiến	12,0	9,8	10,9
3. Lãnh đạo/định hướng các hoạt động	18,5	2,2	10,3

Bảng 3: Mức độ tham gia hợp tác xã

<i>Mức độ tham gia</i>	<i>Số lượng (người)</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
Chủ yếu nghe thông báo và thực hiện	318	94,1
Tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến	8	2,4
Lãnh đạo các phong trào	12	3,5
Tổng số	338	100,0

lý của các tổ chức là yếu tố chính hạn chế mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động cộng đồng. Sự quản lý một chiều từ trên xuống, hoặc việc không có nhiều hoạt động đã không thu hút được người dân tham gia mức độ cao vào đóng góp hoặc hoạch định các chính sách của các tổ chức cộng đồng.

Phân tích sâu dưới góc độ giới về mức độ tham gia đoàn thể (bảng 2), nhìn chung, tỷ lệ nữ cao hơn nam ở mức độ “nghe và thực hiện”, và thấp hơn ở hai mức độ còn lại; và xu thế là càng ở các mức độ tham gia cao hơn thì tỷ lệ nữ càng thấp hơn nam giới. Đánh giá chung, mức độ tham gia đoàn

thể của nữ giới giai đoạn này thấp hơn nam giới, và thể hiện rõ mô hình nam giới lãnh đạo, nữ giới thực hiện. Mức độ tham gia của nữ giới trong các hoạt động xã hội thấp có thể xuất phát từ nguồn gốc quan niệm chung gắn phụ nữ vào trách nhiệm công việc nội trợ gia đình, chăm sóc gia đình; trách nhiệm của đàn ông là bên ngoài gia đình, và “đây là vai trò được truyền thông, giáo dục và dân gian ủng hộ” (Jean Munro, 2012: 17) .

b/ Tỷ lệ và mức độ tham gia vào hợp tác xã

Mô hình kinh tế phổ biến nhất giai đoạn này là hợp tác xã (HTX), một mô hình kinh tế cộng đồng, do được quản lý, điều hành và có sự tham gia của gần như toàn thể người dân. So với tỷ lệ người tham gia đoàn thể, số người được khảo sát định lượng tham gia HTX cao hơn nhiều (bảng 3), 338/407 người (83,0%).

Người tham gia HTX chủ yếu ở vị trí là thành viên (không giữ chức vụ gì), chiếm đến 92,9%; số người có chức vụ trong HTX rất ít (xem bảng 4).

So sánh tỷ lệ giữa nam và nữ ở các vị trí trong HTX, số liệu định lượng cho thấy, nam

Bảng 4: Số người và tỷ lệ người giữ chức vụ trong hợp tác xã

	Không chức vụ (xã viên)	Đội phó/đội trưởng	Ban chủ nhiệm Hợp tác xã	Thư ký đội	Thủ kho/thủ quỹ/kế toán	Tổng
Nam (số người)	143	8	7	2	0	160
<i>Tỷ lệ %</i>	<i>89,4</i>	<i>5,0</i>	<i>4,4</i>	<i>1,2</i>	<i>0,0</i>	<i>100,0</i>
Nữ (số người)	171	2	4	0	1	178
<i>Tỷ lệ %</i>	<i>96,1</i>	<i>1,1</i>	<i>2,2</i>	<i>0,0</i>	<i>0,6</i>	<i>100,0</i>
Tổng (số người)	314	10	11	2	1	338
<i>Tỷ lệ %</i>	<i>92,9</i>	<i>3,0</i>	<i>3,2</i>	<i>0,6</i>	<i>0,3</i>	<i>100,0</i>

giới có tỷ lệ (và số người) cao hơn nữ giới ở hầu hết các chức vụ của HTX. Phần lớn các cuộc PVS, thảo luận nhóm cũng đồng ý với nhận xét cho rằng lãnh đạo HTX phần lớn là nam giới. Các chức vụ lãnh đạo HTX, đội sản xuất của HTX, thư ký... đều do người dân, xã viên bầu qua các cuộc họp, hội nghị, nhưng số lượng phụ nữ thấp hơn. Điều này được cho là do tư tưởng trọng nam khinh nữ của người dân địa phương thời kỳ bấy giờ vẫn còn ảnh hưởng nhiều đến tỷ lệ nữ tham gia vào các chức vụ quản lý HTX, người dân gán cho phụ nữ trình độ thấp, không có năng lực, không phù hợp với việc lãnh đạo: “thời kỳ đó trình độ phụ nữ có hạn”, “người ta chọn chủ yếu là người năng nổ” (nữ không năng nổ nên không được chọn) (Thảo luận nhóm); nữ hợp với việc tính toán, chấm công điểm, cẩn thận: “Thường tham gia cán bộ HTX, nữ làm kế toán” (Ông B, sinh năm 1952, Văn phòng Đảng ủy).

Về mức độ tham gia HTX, phần lớn người tham gia (318/338 tương đương 94,1%) chỉ thực hiện mức độ tham gia thấp nhất là “chủ yếu nghe thông báo và thực hiện”.

Một số người (12/24 người) có vị trí trong HTX đã tham gia ở mức độ cao “lãnh đạo phong trào”; một số rất ít thành viên HTX chỉ tham gia ở mức cao nhất là “góp ý kiến”, và thường họ là người có vị trí trong xã hội “người có công với Đảng, Nhà nước mới đóng góp ý kiến trong các cuộc họp” (Bà N, sinh năm 1965, Đảng viên). Các hoạt động người dân tham gia ở mức độ cao này thường liên quan trực tiếp đến cá nhân người tham gia HTX.

Phần lớn người tham gia HTX chỉ tham gia ở mức độ thấp. Ở đây, chúng ta thấy sự quản lý của Nhà nước ảnh hưởng mạnh đến

sự tham gia: mọi công việc chỉ được thực hiện theo lệnh từ trên xuống, sự đóng góp ý kiến của người dân ở dưới lên không được chú ý, từ đó mức độ tham gia của thành viên cộng đồng sẽ bị hạn chế.

c/ Mức độ tham gia của phụ nữ vào công tác văn hóa, văn nghệ

So với các hoạt động đoàn thể cộng đồng, kinh tế cộng đồng (HTX), các hoạt động văn hóa, văn nghệ cộng đồng thời kỳ này được cho là “không có gì”, thể hiện ở các hoạt động được phát động bởi đoàn thể/chính quyền rất ít và số lượng người tham gia cũng ít.

Trong 407 người được khảo sát định lượng, chỉ có 41 người (10,1%) tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ. Trong đó, 36 người là thành viên (23 nam, 13 nữ), 5 người là lãnh đạo ban/đội văn nghệ (4 nam, 1 nữ). Số người tham gia đội văn nghệ ít vì không còn đội văn nghệ của thôn, chỉ còn đội văn nghệ của xã: “Hoạt động văn hóa, văn nghệ ít lắm. Thôn xóm không có đội văn hóa, văn nghệ. Những năm trước không có” (Bà H, sinh năm 1962, cán bộ thú y).

Tuy số lượng người tham gia văn hóa, văn nghệ ít, nhưng mức độ tham gia lại cao. Cả 5 người lãnh đạo đều tham gia ở mức độ cao, mức độ “phát động/lãnh đạo/định hướng các hoạt động”, còn trong 36 thành viên cũng có 5 người tham gia ở mức độ “thảo luận góp ý kiến” và 5 người “phát động/lãnh đạo/định hướng các hoạt động”.

Người dân cho biết, kể cả người lãnh đạo hay thành viên đội văn nghệ đều được tuyển chọn dựa trên năng khiếu, nghĩa là có trình độ, hiểu biết trong lĩnh vực hoạt động văn nghệ; đồng thời có sự nhiệt tình và tự nguyện tham gia văn nghệ, tuy nhiên, đội trưởng thường là nam giới: “Đội trưởng đội văn

nghệ thường là nam, người có năng khiếu; nữ cũng có năng khiếu nhưng không hăng bằng nam, nam bao giờ cũng có tính quyết định hơn nữ” (Bà H, sinh năm 1957, Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ xã). Ngay cả trong một hoạt động tình nguyện, theo sở thích cũng thấy có mô hình nam lãnh đạo, nữ thực hiện.

4. Kết luận và khuyến nghị

Qua phân tích số liệu định lượng, nghiên cứu dữ liệu định tính, chúng tôi đưa ra một số nhận xét về nguyên nhân ảnh hưởng đến sự tham gia và mức độ tham gia vào các hoạt động cộng đồng của người dân giai đoạn 1976-1985 như sau: Giai đoạn này cho thấy tỷ lệ tham gia ở một số hoạt động cộng đồng có thể cao/thấp khác nhau tùy từng hoạt động cụ thể, nhưng mức độ tham gia nói chung chỉ ở mức thấp, điều này chịu ảnh hưởng lớn từ cơ chế hoạt động của chính quyền địa phương thời kỳ này.

Kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tham gia cộng đồng. Kinh tế xã hội khó khăn khiến cộng đồng không có nhiều hoạt động, nhất là hoạt động trợ giúp các thành viên từ đó khó vận động được người dân tham gia; đồng thời, kinh tế gia đình khó khăn khiến người dân phải dành nhiều thời gian và công sức hơn vào đảm bảo an sinh gia đình từ đó họ không có nhiều nhiệt huyết tham gia các hoạt động cộng đồng.

Tư tưởng truyền thống vẫn phổ biến quan niệm người đàn ông phù hợp với việc xã hội, đảm nhiệm các công việc cộng đồng; gắn phụ nữ vào công việc nội trợ gia đình và chăm sóc thành viên và từ đó đã kìm hãm sự tham gia của phụ nữ vào công tác cộng đồng.

Từ đó, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị để tăng cường sự tham gia của người dân vào công tác cộng đồng:

Thứ nhất, việc tham gia vào hoạt động của cộng đồng ảnh hưởng nhiều từ lợi ích của sự tham gia. Quản lý theo mệnh lệnh từ trên xuống, ý kiến của người dân không được quan tâm, sự góp ý của họ không đem lại lợi ích cho họ thì họ sẽ ít tham gia. Như vậy, để vận động người dân tham gia, các chương trình, kế hoạch hành động phải chứng minh được tính hiệu quả và tôn trọng những đóng góp của cộng đồng, như vậy, người dân sẽ đồng thuận và tham gia với mức độ cao hơn. Việc thường xuyên trao đổi, bàn bạc với người dân trong suốt quá trình hoạch định và thực hiện hành động là rất cần thiết để người dân nhận thức được hiệu quả của hoạt động và tham gia đóng góp ý kiến vào các chương trình/hoạt động cộng đồng này.

Thứ hai, trong điều kiện kinh tế khó khăn, sự tham gia vào hoạt động cộng đồng cũng khó khăn theo, tuy nhiên, công việc gì ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của người dân thì mức độ tham gia của người dân cao hơn. Khi thực hiện các chương trình phát triển, trong trường hợp kinh tế khó khăn, cần ưu tiên thực hiện những chương trình/hoạt động có ảnh hưởng trực tiếp, thiết thực, việc này dễ dàng vận động người dân tham gia.

Thứ ba, việc tham gia của người dân còn chịu ảnh hưởng từ hiểu biết về lĩnh vực tham gia. Nếu người dân có sự hiểu biết rõ ràng về lĩnh vực của mình, họ có nhiều đóng góp cho sự tham gia cộng đồng ở mức cao hơn. Việc đào tạo, tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho người dân là cần thiết. Trước khi các chương trình/hoạt động được hoạch định và tiến hành, cần nâng cao trình độ của người dân bị ảnh hưởng, cung cấp những kiến thức liên quan

đến các chương trình đó, từ đó, người dân sẽ có được những hiểu biết, kỹ năng liên quan, người dân sẽ tham gia nhiệt tình hơn và họ sẽ đóng góp nhiều hơn trong đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn nảy sinh khi thực hiện chương trình/hoạt động đó.

Đối với phụ nữ, tư tưởng bất bình đẳng giới hạn chế sự tham gia và mức độ tham gia của họ. Ở cả ba hoạt động cộng đồng, mức độ tham gia của phụ nữ luôn kém hơn nam giới; đều thấy xuất hiện mô hình nam lãnh đạo, nữ thực hiện. Để nâng cao tỷ lệ và mức độ tham gia của phụ nữ trong hoạt động cộng đồng, cần phải có những hoạt động tuyên truyền nâng cao bình đẳng giới trong cộng đồng, từ đó xóa bỏ rào cản đối với phụ nữ trong việc tham gia cộng đồng □

Tài liệu tham khảo

1. Lê Trí An (biên soạn, 2000), *Công tác xã hội nhập môn*, Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
 2. Lê Văn An, Ngô Tùng Đức (chủ biên, 2016), *Sổ tay Hướng dẫn về phát triển cộng đồng: Tài liệu dành cho người làm công tác phát triển cộng đồng*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
 3. Jean Munro (2012), *Sự tham gia của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam*, UNDP, Hà Nội.
 4. Lê Minh (chủ biên, 1996), *Hai mươi năm một chặng đường phát triển của phụ nữ Việt Nam: 1975-1995*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
 5. Raymond Achu Samndong (2018), "The Illusion of Participation: Tokenism in REDD+ Pilot Projects in the Democratic Republic of Congo", In: Emmanuel O. Nuesiri ed. (2018), *Global Forest Governance and Climate Change: Interrogating Representation, Participation, and Decentralization*, PalgraveMacmillan, Potsdam.
-
- (tiếp theo trang 59)
4. R.E. Borchelt (2001), "Communicating the Future: Report of the Research Roadmap Panel for Public Communication of Science and Technology in the Twenty-First Century", *Science Communication*, 23(2): 194-211.
 5. T.W. Burns, D.J. O'Connor and S.M. Stocklmayer (2003), "Science communication: a contemporary definition", *Public Understanding of Science*, 12(2): 183-202.
 6. Vietnam Report (2016), *Bảng xếp hạng VNR500*, www.vnr500.com.vn